TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Dựng.
2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hượng-Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2023/TLST - HNGĐ ngày 21/02/2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Mỹ T1, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Khu dân cư V, phường TH, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-Chị Trịnh Thị Mỹ T1 trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1984 vào ngày 29/9/2010 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã-Nay là phường TH, thị xã K. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh T2 chung sống. Đến năm 2011 anh T2 đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản với thời hạn 03 năm. Sau khi về nước anh T2 có chung tiền làm ăn với bạn bè nhưng bị thua lỗ, rồi chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị đã phải bán tất cả tài sản chung của vợ chồng tích lũy được để trả nợ cho anh T2. Do mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nên chị đã đưa hai con về gia đình bố mẹ đẻ tại khu

dân cư L, phường P sống ly thân với anh T2 từ khoảng cuối năm 2021 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Trọng T2.

2. Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có 02 con là Nguyễn Trọng Đồng, sinh ngày 15/7/2011 và Nguyễn Thanh Trúc, sinh ngày 06/8/2016. Sau khi ly thân, chị đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh T2 không có bất kỳ đóng góp gì trong việc nuôi dưỡng các con. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T2 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai con: Hiện chị đang làm việc tại Phòng quản lý chất lượng - Công ty Hòa Phát, thu nhập bình quân hàng tháng từ 6-8 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, chị và các con sống cùng bố mẹ đẻ của chị là ông Trịnh Huy Liệu, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1957, ngoài việc tạo mọi điều kiện sinh hoạt cho mẹ con chị, ông bà còn hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu.

3. Quan hệ về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Trọng T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo lời khai có trong hồ sơ, người làm chứng - bà Nguyễn Thị T4 trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Trịnh Thị Mỹ T1, anh Nguyễn Trọng T2 là con rể bà. Chị T1, anh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chị T1 về gia đình anh T2 chung sống ở phường TH, thị xã K. Quá trình chung sống tại đây đến năm 2020 thì chị T1 đưa hai con về sống tại gia đình bà. Qua hỏi han thì bà được biết anh T2 mải chơi, nợ tiền xã hội nên phải trốn nợ, một mình chị T1 nuôi dưỡng 02 con nhỏ. Do phía gia đình thông gia hai ông bà đều ốm yếu do bệnh tật nên không hỗ trợ được chị T1 trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nên chị T1 đưa các cháu về sống cùng vợ chồng bà. Trong suốt thời gian chị T1 sống tại đây, bà không thấy anh T2 đến thăm vợ con. Nay chị T1 có đơn xin ly hôn anh T2, với tư cách là phụ huynh của hai anh chị, bà mong muốn anh chị về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con, còn việc có chung sống được với nhau hay không thì do anh chị quyết định; về điều kiện sinh hoạt: Hiện trên thửa đất của gia đình bà gồm: Vợ chồng bà, vợ chồng con trai Trịnh Văn Việt và ba mẹ con chị T1. Khi chị T1 về thì vợ chồng bà có làm thêm 01 phòng riêng cho ba mẹ con chị T1 sinh sống, mặc dù chỗ ở không được rộng rãi nhưng đảm bảo cho việc sinh hoạt của ba mẹ con chị T1. Ngoài ra, gia đình bà đều hỗ trợ chị T1 trong việc đưa đón các cháu đi học, giáo dục các cháu và hỗ trợ về kinh tế cho chị T1 trong việc nuôi dưỡng các con. Trường hợp hai anh chị không chung sống được thì bà đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng vì hiện nay anh T2 không có mặt tại địa phương. Các con của chị T1 đang sinh sống ổn định, phát triển lành mạnh tại gia đình bà. Gia

đình bà cam đoan sẽ tạo mọi điều kiện và hỗ trợ chị T1 trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

- Quá trình xác minh, chính quyền địa phương phường TH, thị xã K cung cấp:

1. Về thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn: UBND phường TH đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và giấy triệu tập anh Nguyễn Trọng T2 của Tòa án, đề nghị UBND phường TH tống đạt cho anh T2. UBND phường đã giao cho khu dân cư V tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng trên của Tòa án cho anh T2. Do anh T2 vắng mặt tại địa phương nên khu dân cư đã tống đạt cho anh Nguyễn Trọng Soái - là anh trai của anh T2. Anh Soái nhận thay và cam đoan sẽ giao lại cho anh T2. Theo anh Soái cung cấp: Hiện anh T2 đang trốn nợ, vắng mặt tại địa phương.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã-Nay là phường TH vào ngày 29/9/2010. Sau khi kết hôn, chị T1 về gia đình anh T2 chung. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 chơi bời dẫn đến nợ tiền xã hội. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị T1 đã đưa hai con về gia đình bên ngoại sống ly thân với anh T2 từ năm 2021 đến nay. Hiện anh T2 không có mặt tại địa phương. Nay chị T1 làm đơn ly hôn anh T2, địa phương xác định mâu thuẫn giữa chị T1, anh T2 đã kèo dài, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

3. Về con chung: Chị T1, anh T2 có hai con là Nguyễn Trọng Đồng và Nguyễn Thanh Trúc. Hiện hai con đang do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh chị ly hôn, anh T2 không có mặt tại địa phương đã lâu, chị T1 đang nuôi dưỡng hai con ổn định nên đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Mỹ T1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T1 ly hôn anh T2; về con chung: Giao cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con Nguyễn Trọng Đồng, sinh ngày 15/7/2011 và Nguyễn Thanh Trúc, sinh ngày 06/8/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 về việc không yêu cầu anh T2 phải thực hiện nghĩa vụ cấp

dưỡng cho con; về án phí: Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Chị Trịnh Thị Mỹ T1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Nguyễn Trọng T2 có hộ khẩu thường trú tại: Khu dân cư V, phường TH, thị xã K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Theo quy định tại Điều 172 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án yêu cầu UBND phường TH-nơi bị đơn cư trú tiến hành tống đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho bị đơn nhưng anh T2 vắng mặt nên UBND phường TH đã tống đạt cho người thân thích cùng nơi cư trú với là anh Nguyễn Trọng Soái (*anh trai của anh T2*), theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án, do không thể cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Chị Trịnh Thị Mỹ T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Trọng T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị Mỹ T1 kết hôn với anh Nguyễn Trọng T2 vào ngày 29 tháng 9 năm 2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã-Nay là phường TH, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại gia đình anh T2 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 chơi bời dẫn đến nợ tiền xã hội và phải bỏ nhà đi trốn nợ. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị T1 đã về gia đình bố mẹ đẻ tại khu dân cư L, phường P, thị xã K sống ly thân với anh T2 từ năm 2021 đến nay. Chị T1, anh T2 đã không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau; quá trình giải quyết vụ án, chị T1 xác định vợ chồng không

có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T1, anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T1 được ly hôn anh T2.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị T1, anh T2 có 02 con là Nguyễn Trọng Đồng, sinh ngày 15/7/2011 và Nguyễn Thanh Trúc, sinh ngày 06/8/2016. Nay ly hôn chị T1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T2 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét điều kiện nuôi con của hai bên đương sự thì thấy: Chị Trịnh Thị Mỹ T1 hiện đang làm công nhân tại Công ty Hòa Phát, địa chỉ: Phường Hiệp Sơn, thị xã K có thu nhập ổn định, bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng; còn anh Nguyễn Trọng T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không đưa ra quan điểm của mình; quan điểm của Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em-UBND phường TH đề nghị Tòa án giao các con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm sự phát triển ổn định của các cháu; con Nguyễn Trọng Đồng (trên 07 tuổi) có nguyện vọng được ở với mẹ; đại diện gia đình của chị T1 cam đoan sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ về mọi mặt cho chị T1 nuôi dưỡng các con. Từ những căn cứ, đánh giá nêu trên, HĐXX thấy rằng chị T1 có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 về việc không yêu cầu anh T2 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung*: Chị Trịnh Thị Mỹ T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Mỹ T1. Xử cho chị Trịnh Thị Mỹ T1 ly hôn anh Nguyễn Trọng T2.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Mỹ T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Trọng Đồng, sinh ngày 15/7/2011 và Nguyễn Thanh Trúc, sinh ngày 06/8/2016 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị Mỹ T1 về việc không yêu cầu anh

Nguyễn Trọng T2 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn Trọng T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Mỹ T1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K theo biên lai số AA/2021/0002124 ngày 14/02/2023. Chị Trịnh Thị Mỹ T1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường TH (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn